

PHỤ LỤC 2 - THÔNG TIN GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG QUÝ 1 NĂM 2022
TRÊN ĐỊA BÀN CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
(Kèm theo Công văn số /SXD-KTVLXD, ngày /01/2022 của Sở Xây dựng Đắk Lắk)
1. THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn thành phố	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn	Sông Gianh		1.636.000	
	Ximăng SCG super PCB40 (Sông Gianh)	tấn	Sông Gianh		1.727.000	
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT				Không nhận được thông tin báo cáo	
	Cát xây	m ³				
	Cát tô	m ³				
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc	m ³	(Giá bình quân thông báo tại, mỏ đá Thạch Anh; Hoàng Vũ; Nam Hải; Hoàng Nam)	189.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		227.000		
	Đá dăm 2x4	m ³		242.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		256.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		183.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		209.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		197.000		
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	Gạch Tuynel					
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên			Không nhận được thông tin báo cáo	
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên				
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên				
	Gạch không nung XMCL					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên	Công ty TNHH Xây dựng Đại Tín/KCN Hòa Phú	950		
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên		1.000		
	Gạch ống (80x120x180)mm	viên		1.500		
	Gạch không nung XMCL					
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên	Công ty TNHH Gạch không nung Việt Tân/KCN Hòa Phú	1.100		
	Gạch không nung XMCL					
	Gạch thẻ đặc (50x80x180)mm	viên	Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Vũ/KCN Hòa Phú	900		
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên		1.000		
	Gạch block bê tông rỗng					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên	Công ty TNHH Xây dựng Đại Tín/KCN Hòa Phú	4.000		
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên		7.000		
	Gạch bê tông rỗng (14x19x39)cm	viên	Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Vũ/KCN Hòa Phú	5.455		
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên		3.636		
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên		6.364		
	Gạch bê tông ly tâm					
	Kiểu Tây Ban Nha: KT 25x25x5cm(16viên/m ²)		Cty Phát Thịnh			
	- Màu đỏ	m ²		155.000		
	- Màu vàng	m ²		161.000		
	Hoa văn Hướng Dương: KT 25x25x5cm(16viên/m ²)					
	- Màu đỏ	m ²		155.000		
	- Màu vàng	m ²		161.000		
	Hoa văn Đồng Tiền: KT 30x30x5cm(11viên/m ²)					

	- Màu đỏ	m ²		140.000		
	- Màu vàng	m ²		150.000		
	Gạch bê tông tự chèn hoa văn lục giác: KT 21x21x5cm (26viên/m ²)					
	- Màu đỏ	m ²		140.000		
	- Màu vàng	m ²		150.000		
	Gạch Terrazzo					
	Gạch Terazzo 400x400x30mm màu đỏ	m ²	Sản phẩm của Công ty TNHH MTV Đình Trung	125.000		
	Gạch Terazzo 400x400x30mm màu vàng	m ²		135.000		
	Gạch Terazzo 400x400x30mm màu xám	m ²		125.000		
	Gạch Terazzo 400x400x30mm hai màu đỏ, vàng	m ²		145.000		
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
+	Thép hình				24.186	
+	Thép cuộn					
	Ø6 CB240-T	kg	Cty TNHH MTV thép VAS Việt Mỹ		17.050	
	Ø8 CB240-T	kg			17.050	
+	Thép thanh vằn					
	Ø10 Gr40-V	kg			17.250	
	Ø16 Gr40-V	kg			17.050	
	Ø12 - Ø20 CB300-V	kg			17.050	
	Ø10 CB400-V	kg			17.450	
	Ø12 - 32 CB400-V	kg			17.250	
	Ø10 CB500-V	kg			17.550	
	Ø12 - 32 CB500-V	kg		17.350		
6	TẤM TRẦN, TẤM LỘP					
	Tôn kẽm mạ màu cán sóng vuông					
	Tôn lạnh AZ70 phủ AF - dày 0,30mm	m ²	Cty CP tập đoàn Hoa Sen Chi nhánh Đắk Lắk		92.727	
	Tôn lạnh AZ100 phủ AF - dày 0,35mm	m ²			105.455	
	Tôn lạnh AZ100 phủ AF - dày 0,40mm	m ²			119.091	
	Tôn lạnh AZ100 phủ AF - dày 0,45mm	m ²			132.727	
	Tôn lạnh AZ100 phủ AF - dày 0,50mm	m ²			146.364	
+	Tôn kẽm mạ màu cán sóng giả ngói Hoa Sen		Cty CP tập đoàn Hoa Sen Chi nhánh Đắk Lắk			
	Tôn sóng ngói AZ050-17/05 - dày 0,40mm	m ²			130.909	
	Tôn sóng ngói AZ050-17/05 - dày 0,45mm	m ²			145.455	
	Tôn sóng ngói AZ050-17/05 - dày 0,50mm	m ²			160.909	
	Tôn lạnh la phong					
	Tôn lạnh Kích thước khổ 1,1 - dày 0,20mm (Hoa Sen AZ070)	m ²	Cty CP tập đoàn Hoa Sen Chi nhánh Đắk Lắk		68.180	
	Tôn lạnh Kích thước khổ 1,1 - dày 0,22mm (Hoa Sen AZ070)	m ²			72.730	
7	NHÓM VẬT LIỆU NHỰA ĐƯỜNG					
	Nhựa đường Phuy Shell Singapore 60/70	kg	Cty TNHH TM-SX-DV Tín Thịnh		17.863	Giá từ 02/01/2022 đến khi có thông báo giá mới
	Nhựa đường 60/70 - Phuy	kg	TCT hóa dầu Petrolimex		15.337	Giá từ 01/01/2022 đến khi có thông báo giá mới
	Nhựa đường đặc nóng 60/70 - Xá	kg			14.137	
	Nhựa đường nhũ tương gốc axit 60% (TCVN 8817:2011)	kg			13.737	

2. THỊ XÃ BUÔN HỒ

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn thị xã	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn			1.960.000	
	Ximăng SCG super PCB40 (Sông Gianh)	tấn	Sông Gianh		1.727.000	
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT					
	Cát xây	m ³			350.000	
	Cát tô	m ³			380.000	
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc				260.000	VLXD Thành Long, phường An Lạc, thị xã Buôn Hồ
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³			270.000	
	Đá dăm 2x4	m ³			290.000	
	Đá dăm 1x2	m ³			370.000	
	Đá 0,5 x 1	m ³			350.000	
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³			320.000	
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³			260.000	
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	<i>Gạch tunnel</i>					
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên			850	VLXD Thành Long, phường An Lạc, thị xã Buôn Hồ
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên			1.050	
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên			1.450	
	<i>Gạch không nung</i>					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên			1.500	
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên			1.200	
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
+	<i>Thép hình</i>				Không nhận được thông tin báo cáo	
+	<i>Thép cuộn</i>					
	Ø6 CB240-T	kg	Cửa hàng Hoa Sen Buôn Hồ		19.400	
	Ø8 CB240-T	kg			19.400	
+	<i>Thép thanh vằn</i>					
	Ø10 Gr40-V	kg			19.400	
	Ø12 - 32	kg			19.000	
6	TẤM TRẦN, TẤM LỢP					
	Tôn sóng vuông 0,4mm	m	Cửa hàng Hoa Sen Buôn Hồ		125.000	
	Tôn lạnh 0,3mm	m			97.000	

3. HUYỆN CU' M'GAR

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn	Đại lý trung tâm thị trấn		1.900.000	
	Ximăng PCB30	tấn			1.800.000	
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT					
	Cát xây	m ³	Đại lý trung tâm thị trấn		310.000	
	Cát tô	m ³			320.000	
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc		(Giá bình quân thông báo tại mỏ đá Ea M'roh, mỏ đá Buôn Jong, mỏ đá Phúc Thiện)	202.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		223.000		
	Đá dăm 2x4	m ³		241.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		292.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		272.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		253.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		232.000		
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	<i>Gạch tuynel</i>					
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên	Đại lý trung tâm thị trấn		650	
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên			610	
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên			910	
	<i>Gạch không nung</i>					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên			1.600	
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên			1.400	
	<i>Gạch block bê tông rỗng</i>					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên			8.500	
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên			5.100	
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
+	<i>Thép hình</i>		Đại lý trung tâm thị trấn		22.500	
+	<i>Thép cuộn</i>					
	Ø6	kg			20.000	
	Ø8	kg			20.000	
+	<i>Thép thanh vằn</i>					
	Ø10	kg			20.000	
	Ø12 - Ø32	kg			20.000	
6	TÀM TRẦN, TÀM LỢP					
	Tôn sóng vuông 0,4mm	m	Đại lý trung tâm thị trấn		100.000	
	Tôn lạnh	m			72.000	

4. HUYỆN KRÔNG BÚK

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn	Sông Gianh		1.636.000	
	Ximăng SCG super PCB40 (Sông Gianh)	tấn	Sông Gianh		1.727.000	
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT				Không nhận thông tin được báo cáo	
	Cát xây	m ³				
	Cát tô	m ³				
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc			236.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		245.000		
	Đá dăm 2x4	m ³	Mỏ đá Phục Hưng, thôn độc lập, xã Chư Kbô	264.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		336.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		227.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		291.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		255.000		
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	<i>Gạch tuynel</i>					
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên			Không nhận thông tin được báo cáo	
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên				
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên				
	<i>Gạch không nung</i>					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên				
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên				
	<i>Gạch block bê tông rỗng</i>					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên				
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên				
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
+	<i>Thép hình</i>				Không nhận được thông tin báo cáo	
+	<i>Thép cuộn</i>					
	Ø6 CB240-T	kg	Cty TNHH MTV thép VAS Việt Mỹ		17.050	
	Ø8 CB240-T	kg			17.050	
+	<i>Thép thanh vằn</i>					
	Ø10 Gr40-V	kg			17.250	
	Ø16 Gr40-V	kg			17.050	
	Ø12 - Ø20 CB300-V	kg			17.050	
	Ø10 CB400-V	kg			17.450	
	Ø12 - 32 CB400-V	kg			17.250	
	Ø10 CB500-V	kg			17.550	
	Ø12 - 32 CB500-V	kg			17.350	
6	TẤM TRẦN, TẤM LỢP					
	Tôn sóng vuông 0,4mm	m			Không nhận thông tin được báo cáo	
	Tôn lạnh	m				

5. HUYỆN KRÔNG BÔNG

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn	Sông Gianh		1.636.000	
	Ximăng SCG super PCB40 (Sông Gianh)	tấn	Sông Gianh		1.727.000	
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT				Không nhận được thông tin báo cáo	
	Cát xây	m ³				
	Cát tô	m ³				
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc			182.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³	(Giá bình quân thông báo tại mỏ đá Hùng Anh và mỏ đá Cty Bình Hòa và mỏ đá 39)	243.000		
	Đá dăm 2x4	m ³		259.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		282.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		241.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		255.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		209.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 47,5mm	m ³				
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	<i>Gạch tuynel</i>					
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên			Không nhận được thông tin báo cáo	
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên				
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên				
	<i>Gạch không nung</i>					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên				
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên				
	<i>Gạch block bê tông rỗng</i>					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên				
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên				
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
+	<i>Thép hình</i>				Không nhận được thông tin báo cáo	
+	<i>Thép cuộn</i>					
	Ø6 CB240-T	kg	Cty TNHH MTV thép VAS Việt Mỹ		17.050	
	Ø8 CB240-T	kg			17.050	
+	<i>Thép thanh vằn</i>					
	Ø10 Gr40-V	kg			17.250	
	Ø16 Gr40-V	kg			17.050	
	Ø12 - Ø20 CB300-V	kg			17.050	
	Ø10 CB400-V	kg			17.450	
	Ø12 - 32 CB400-V	kg			17.250	
	Ø10 CB500-V	kg			17.550	
	Ø12 - 32 CB500-V	kg			17.350	
6	TẤM TRẦN, TẤM LỢP					
	Tôn sóng vuông 0,4mm	m			Không nhận được thông tin báo cáo	
	Tôn lạnh	m				

6. HUYỆN LẮK

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn	Sông Gianh		1.636.000	
	Ximăng SCG super PCB40 (Sông Gianh)	tấn	Sông Gianh		1.727.000	
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT					
	Cát xây	m ³	Mỏ cát Buôn	225.000		
	Cát tô	m ³	Mliêng	265.000		
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc			163.600		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		245.400		
	Đá dăm 2x4	m ³		263.600		
	Đá dăm 1x2	m ³	(Giá thông báo tại mỏ đá Côngty CP Hồ Tài Nguyên)	277.273		
	Đá 0,5 x 1	m ³		168.182		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		236.364		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		218.182		
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	<i>Gạch tunnel</i>					
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên				
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên				
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên				
	<i>Gạch không nung</i>					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên				
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên				
	<i>Gạch block bê tông rỗng</i>					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên				
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên				
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
+	<i>Thép hình</i>					
+	<i>Thép cuộn</i>					
	Ø6 CB240-T	kg			17.050	
	Ø8 CB240-T	kg			17.050	
+	<i>Thép thanh vằn</i>					
	Ø10 Gr40-V	kg			17.250	
	Ø16 Gr40-V	kg			17.050	
	Ø12 - Ø20 CB300-V	kg			17.050	
	Ø10 CB400-V	kg			17.450	
	Ø12 - 32 CB400-V	kg			17.250	
	Ø10 CB500-V	kg			17.550	
	Ø12 - 32 CB500-V	kg			17.350	
6	TẤM TRẦN, TẤM LỘP					
	Tôn sóng vuông 0,35mm	m2			115.000	
	Tôn sóng vuông 0,4mm	m2			125.000	
	Tôn sóng vuông 0,45mm	m2			137.000	
	Tôn sóng ngói 0,4mm	m2			135.000	
	Tôn sóng ngói 0,45mm	m2			147.000	
	Tôn lạnh	m2			87.000	

7. HUYỆN BUỒN ĐƠN

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn	Sông Gianh		1.636.000	
	Ximăng SCG super PCB40 (Sông Gianh)	tấn	Sông Gianh		1.727.000	
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT				Không nhận thông tin được báo cáo	
	Cát xây	m ³				
	Cát tô	m ³				
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc			164.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³	(Giá bình quân thông báo tại mỏ đá Thanh Tuấn, mỏ đá EA M'roh, mỏ đá Tài Phát)	186.000		
	Đá dăm 2x4	m ³		200.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		202.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		174.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		204.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		193.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 47,5mm	m ³				
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	<i>Gạch tuynel</i>					
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên			Không nhận thông tin được báo cáo	
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên				
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên				
	<i>Gạch không nung</i>					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên				
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên				
	<i>Gạch block bê tông rỗng</i>					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên				
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên				
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
+	<i>Thép hình</i>				Không nhận được thông tin báo cáo	
+	<i>Thép cuộn</i>					
	Ø6 CB240-T	kg	Cty TNHH MTV thép VAS Việt Mỹ		17.050	
	Ø8 CB240-T	kg			17.050	
+	<i>Thép thanh vằn</i>					
	Ø10 Gr40-V	kg			17.250	
	Ø16 Gr40-V	kg			17.050	
	Ø12 - Ø20 CB300-V	kg			17.050	
	Ø10 CB400-V	kg			17.450	
	Ø12 - 32 CB400-V	kg			17.250	
	Ø10 CB500-V	kg			17.550	
	Ø12 - 32 CB500-V	kg			17.350	
6	TẤM TRẦN, TẤM LỢP					
	Tôn sóng vuông 0,4mm	m			Không nhận được thông tin báo cáo	
	Tôn lạnh	m				

8. HUYỆN KRÔNG PẮC

Căn cứ Báo cáo số 556/UBND-KTHT ngày 09/11/2021 của UBND huyện Krông Pắc

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn	Sông Gianh		1.890.000	Trị trấn Phước An
	Ximăng SCG super PCB40 (Sông Gianh)	tấn	Sông Gianh		1.727.000	
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT					
	Cát xây	m ³			300.000	Trị trấn Phước An
	Cát tô	m ³			310.000	
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc			182.000	290.000	Thị trấn Phước An
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³	(Giá bình quân thông báo tại mỏ đá Hùng Anh, mỏ đá Cty Bình Hoà)	243.000	200.000	
	Đá dăm 2x4	m ³		259.000	340.000	
	Đá dăm 1x2	m ³		282.000	350.000	
	Đá 0,5 x 1	m ³		241.000	270.000	
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		255.000	220.000	
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		209.000	220.000	
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	<i>Gạch tuynel</i>					
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên			600	
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên			700	
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên			840	
	<i>Gạch không nung</i>					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên			1.200	
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên			1.300	
	<i>Gạch block bê tông rỗng</i>					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên			950	
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên			2.700	
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
+	<i>Thép hình</i>				Không nhận được thông tin báo cáo	
+	<i>Thép cuộn</i>					
	Ø6 CB240-T	kg			19.400	Thị trấn Phước An
	Ø8 CB240-T	kg			19.400	
+	<i>Thép thanh vằn</i>					
	Ø10 Gr40-V	kg			19.555	
	Ø16 Gr40-V	kg			17.050	
	Ø12 - Ø20 CB300-V	kg			17.050	
	Ø10 CB400-V	kg			17.450	
	Ø12 - 32 CB400-V	kg			17.250	
	Ø10 CB500-V	kg			17.550	
	Ø12 - 32 CB500-V	kg			17.350	
6	TẤM TRẦN, TẤM LỢP					
	Tôn sóng vuông 0,35mm	m			115.000	Trị trấn Phước An
	Tôn sóng vuông 0,4mm	m			125.000	
	Tôn lạnh	m			80.000	
	Tôn lạnh xanh ngọc	m			83.000	
7	NHỰA ĐƯỜNG					
	Nhựa đường 60/70 - Phuy	kg			12.409	Trị trấn Phước An
	Nhựa đường đặc nóng 60/70 - Xá	kg			12.372	

9. HUYỆN EA H'LEO

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn	Sông Gianh		1.636.000	
	Ximăng SCG super PCB40 (Sông Gianh)	tấn	Sông Gianh		1.727.000	
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT				Không nhận được thông tin báo cáo	
	Cát xây	m ³				
	Cát tô	m ³				
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc			220.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		220.000		
	Đá dăm 2x4	m ³	(Giá bình quân thông báo tại mỏ đá Ea Sol)	234.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		258.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		248.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		249.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		239.000		
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	<i>Gạch tuynel</i>					
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên				
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên				
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên				
	<i>Gạch không nung</i>					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên	Công ty TNHH Xây dựng TM&DV Tân Thành Đạt/KCN Ea Ral, Ea H'leo	800		
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên		1.200		
	Gạch ống (80x120x180)mm	viên		1.600		
	<i>Gạch block bê tông rỗng</i>					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên	nt	4.500		
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên	nt	7.000		
	<i>Gạch Terrazzo</i>					
	Gạch Terrazzo 300x300x30 màu tím	m ²	Công ty TNHH XD TM&DV Tân Thành Đạt/KCN Ea Ral, Ea H'leo	115.000		
	Gạch Terrazzo 300x300x30 màu đỏ	m ²		125.000		
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
+	<i>Thép hình</i>				Không nhận được thông tin báo cáo	
+	<i>Thép cuộn</i>					
	Ø6 CB240-T	kg	Cty TNHH MTV thép VAS Việt Mỹ		17.250	
	Ø8 CB240-T	kg			17.050	
+	<i>Thép thanh vằn</i>					
	Ø10 Gr40-V	kg			17.250	
	Ø16 Gr40-V	kg			17.050	
	Ø12 - Ø20 CB300-V	kg			17.050	
	Ø10 CB400-V	kg			17.450	
	Ø12 - 32 CB400-V	kg			17.250	
	Ø10 CB500-V	kg			17.550	
	Ø12 - 32 CB500-V	kg			17.350	
6	TẤM TRẦN, TẤM LỢP					
	Tôn sóng vuông 0,4mm	m			Không nhận được thông tin báo cáo	
	Tôn lạnh	m				

10. HUYỆN CU' KUIN

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn	Sông Gianh		1.636.000	
	Ximăng SCG super PCB40 (Sông Gianh)	tấn	Sông Gianh		1.727.000	
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT					
	Cát xây	m ³	Mỏ cát cầu Giang Sơn (Km 24/QL 27)	170.000		
	Cát tô	m ³		180.000		
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc			205.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		240.000		
	Đá dăm 2x4	m ³	(Giá thông báo tại mỏ đá Công ty Minh Sáng)	305.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		291.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		247.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		247.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		175.000		
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	<i>Gạch tuynel</i>					
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên	Gạch Hiệp Tân, xã Hòa Hiệp	400		
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên		450		
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên		630		
	<i>Gạch không nung</i>					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên				Không có
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên	Cty Trung Tuấn	1.100		
	<i>Gạch block bê tông rỗng</i>					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên				Không có
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên	Cty Trung Tuấn	6.500		
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
+	<i>Thép hình</i>		Trung tâm huyện		20.500	
+	<i>Thép cuộn</i>		Trung tâm huyện			
	Ø6 CB240-T	kg			18.600	
	Ø8 CB240-T	kg			18.600	
+	<i>Thép thanh vằn</i>		Trung tâm huyện			
	Ø10 Gr40-V	kg			18.600	
	Ø16 Gr40-V	kg			18.600	
	Ø12 - Ø20 CB300-V	kg			18.600	
	Ø10 CB400-V	kg			18.600	
	Ø12 - 32 CB400-V	kg			18.600	
6	TẤM TRẦN, TẤM LỢP					
	Tôn sóng vuông 0,4mm	m	Trung tâm huyện		109.000	
	Tôn lạnh	m			70.000	

11. HUYỆN KRÔNG NĂNG

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn	Sông Gianh		1.636.000	
	Ximăng SCG super PCB40 (Sông Gianh)	tấn	Sông Gianh		1.727.000	
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT				Không nhận được thông tin báo cáo	
	Cát xây	m ³				
	Cát tô	m ³				
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc			260.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		270.000		
	Đá dăm 2x4	m ³		290.000		
	Đá dăm 1x2	m ³	Mỏ đá Phục Hưng	370.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		250.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		320.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		280.000		
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	<i>Gạch tuynel</i>					
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên				
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên				
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên				
	<i>Gạch không nung</i>					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên				
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên				
	<i>Gạch block bê tông rỗng</i>					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên				
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên				
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
+	<i>Thép hình</i>				Không nhận được thông tin báo cáo	
+	<i>Thép cuộn</i>					
	Ø6 CB240-T	kg			17.050	
	Ø8 CB240-T	kg			17.050	
+	<i>Thép thanh vằn</i>					
	Ø10 Gr40-V	kg			17.250	
	Ø16 Gr40-V	kg			17.050	
	Ø12 - Ø20 CB300-V	kg	Cty TNHH MTV thép VAS Việt Mỹ		17.050	
	Ø10 CB400-V	kg			17.450	
	Ø12 - 32 CB400-V	kg			17.250	
	Ø10 CB500-V	kg			17.550	
	Ø12 - 32 CB500-V	kg			17.350	
6	TẤM TRẦN, TẤM LỢP					
	Tôn sóng vuông 0,4mm	m			Không nhận được thông tin báo cáo	
	Tôn lạnh	m				

12. HUYỆN M'DRẮK

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn	Sông Gianh		1.636.000	
	Ximăng SCG super PCB40 (Sông Gianh)	tấn	Sông Gianh		1.727.000	
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT				Không nhận được thông tin báo cáo	
	Cát xây	m ³				
	Cát tô	m ³				
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc			252.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		268.000		
	Đá dăm 2x4	m ³	(Giá bình quân thông báo tại mỏ đá 52, mỏ đá Công ty Đức Anh)	289.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		300.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		261.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		270.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		257.000		
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	<i>Gạch tuynel</i>				Không nhận được thông tin báo cáo	
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên				
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên				
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên				
	<i>Gạch không nung</i>					
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên	Công ty TNHH TM Dịch vụ Nam Điền/Xã Cư M'Ta, huyện M'Drắk	1.000		
	Gạch ống 06 lỗ (180x80x120)mm	viên		1.250		
	<i>Gạch block bê tông rỗng</i>					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên		4.500		
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
+	<i>Thép hình</i>				Không nhận được thông tin báo cáo	
+	<i>Thép cuộn</i>					
	Ø6 CB240-T	kg	Cty TNHH MTV thép VAS Việt Mỹ		17.050	
	Ø8 CB240-T	kg			17.050	
+	<i>Thép thanh vằn</i>					
	Ø10 Gr40-V	kg			17.250	
	Ø16 Gr40-V	kg			17.050	
	Ø12 - Ø20 CB300-V	kg			17.050	
	Ø10 CB400-V	kg			17.450	
	Ø12 - 32 CB400-V	kg			17.250	
	Ø10 CB500-V	kg			17.550	
	Ø12 - 32 CB500-V	kg			17.350	
6	TÀM TRẦN, TÀM LỢP					
	Tôn sóng vuông 0,4mm	m			Không nhận được thông tin báo cáo	
	Tôn lạnh	m				

13. HUYỆN KRÔNG ANA

Căn cứ Báo cáo số 09/BC-UBND ngày 12/01/2022 của UBND huyện Krông Ana

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn	Sông Gianh		1.636.000	
	Ximăng SCG super PCB40 (Sông Gianh)	tấn	Sông Gianh		1.727.000	
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT					
	Cát xây	m ³	Mỏ cát Quỳnh	170.000		
	Cát tô	m ³	Ngọc, xã Ea Na	180.000		
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc			185.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		215.000		
	Đá dăm 2x4	m ³	(Giá thông báo tại mỏ đá Công ty Hoàng Nam tại Hoà Phú)	225.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		240.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		185.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		220.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		210.000		
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	Gạch tuynel					
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên	Xã Ea Bông, huyện Krông Ana	950		
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên		1.000		
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên		1.500		
	Gạch không nung					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên			Không nhận được thông tin báo cáo	
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên				
	Gạch block bê tông rỗng					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên				
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên				
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
+	Thép hình				Không nhận được thông tin báo cáo	
+	Thép cuộn					
	Ø6 CB240-T	kg	Cty TNHH MTV thép VAS Việt Mỹ		17.050	
	Ø8 CB240-T	kg			17.050	
+	Thép thanh vằn					
	Ø10 Gr40-V	kg			17.250	
	Ø16 Gr40-V	kg			17.050	
	Ø12 - Ø20 CB300-V	kg			17.050	
	Ø10 CB400-V	kg			17.450	
	Ø12 - 32 CB400-V	kg			17.250	
	Ø10 CB500-V	kg			17.550	
	Ø12 - 32 CB500-V	kg			17.350	
6	TẤM TRẦN, TẤM LỢP					
	Tôn sóng vuông	m	Nhà máy cán tôn Long Hà, thị trấn Buôn Tráp		85.000	
	Tôn lạnh	m			75.000	

14. HUYỆN EA SÚP

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn	Sông Gianh		1.636.000	
	Ximăng SCG super PCB40 (Sông Gianh)	tấn	Sông Gianh		1.727.000	
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT				Không nhận được thông tin báo cáo	
	Cát xây	m ³				
	Cát tô	m ³				
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc			161.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³	(Giá bình quân thông báo tại mỏ đá Công ty Thuận An, mỏ đá Ea M'roh)	181.000		
	Đá dăm 2x4	m ³		187.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		193.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		168.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		189.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		182.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 47,5mm	m ³				
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	<i>Gạch tuynel</i>					
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên			Không nhận được thông tin báo cáo	
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên				
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên				
	<i>Gạch không nung</i>					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên				
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên				
	<i>Gạch block bê tông rỗng</i>					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên				
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên				
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
+	<i>Thép hình</i>				Không nhận được thông tin báo cáo	
+	<i>Thép cuộn</i>					
	Ø6 CB240-T	kg	Cty TNHH MTV thép VAS Việt Mỹ		17.050	
	Ø8 CB240-T	kg			17.050	
+	<i>Thép thanh vằn</i>					
	Ø10 Gr40-V	kg			17.250	
	Ø16 Gr40-V	kg			17.050	
	Ø12 - Ø20 CB300-V	kg			17.050	
	Ø10 CB400-V	kg			17.450	
	Ø12 - 32 CB400-V	kg			17.250	
	Ø10 CB500-V	kg			17.550	
	Ø12 - 32 CB500-V	kg			17.350	
6	TẤM TRẦN, TẤM LỢP					
	Tôn sóng vuông 0,4mm	m			Không nhận được thông tin báo cáo	
	Tôn lạnh	m				

15. HUYỆN EA KAR

Căn cứ Báo cáo số 12/BC-UBND ngày 13/01/2022 của UBND huyện Ea Kar

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn	Cty Đức Tiến	1.636.000	1.700.000	
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT					
	Cát xây	m ³	Cty TNHH khai thác cát Đoàn Kết, xã Ea Ô	210.000	300.000	
	Cát tô	m ³		200.000	300.000	
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc		Mỏ đá Hợp Thành	210.000	260.000	
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		240.000	290.000	
	Đá dăm 2x4	m ³		245.000	300.000	
	Đá dăm 1x2	m ³		260.000	310.000	
	Đá 0,5 x 1	m ³		220.000	270.000	
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		190.000	280.000	
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		230.000	260.000	
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	<i>Gạch tuynel</i>					
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên	Cty Trường Phước	900	1.000	
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên	Cty Đức Tân	750	850	
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên	Cty Đức Tân	1.200	1.400	
	<i>Gạch không nung</i>					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên		1.100	1.300	
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên		600	700	
	<i>Gạch block bê tông rỗng</i>					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên		4.400	6.000	
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên		8.800	11.000	
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
+	<i>Thép hình, thép tấm</i>	kg	Cty Tôn Đại Lộc		20.900	
	Thép V25-V65	kg	Cty Tôn Đại Lộc		20.000	
	Thép hộp Hoa Sen	kg	Cty Tôn Đại Lộc		25.000	
+	<i>Thép cuộn</i>					
	Ø6	kg	Cty Tôn Đại Lộc		18.050	
	Ø8	kg	Cty Tôn Đại Lộc		18.050	
+	<i>Thép thanh vằn</i>					
	Ø10	kg	Cty Tôn Đại Lộc		17.960	
	Ø12 - Ø32	kg	Cty Tôn Đại Lộc		17.960	
6	TẤM TRẦN, TẤM LỢP					
	Tôn sóng vuông 0,35mm	m	Cty Hiệp Hưng		95.000	
	Tôn sóng vuông 0,4mm	m	Cty Hiệp Hưng		105.000	
	Tôn lạnh 0,3mm	m	nt		78.000	
7	VẬT LIỆU KHÁC	m2				
	Ống nhựa PVC d=42mm	m	Vật liệu Tiên Hương, nhựa Bình Minh		18.700	
	Ống nhựa PVC d=21mm BM	m			6.200	
	Ống nhựa PVC d=27mm BM	m			11.200	
	Ống nhựa PVC d=34mm BM	m			15.000	
	Ống nhựa PVC d=60mm BM	m			26.200	
	Ống nhựa PVC d=90mm BM	m			52.500	
	Ống nhựa PVC d=114mm BM	m			72.500	
8	GẠCH ỐP, LÁT					
	Gạch Granit KT 60x60	m2	Công ty Viglacera		190.000	
	Gạch Ceramic lát KT 30x30	m2	Công ty Viglacera		110.000	
	Gạch Ceramic lát KT 40x40	m2	Công ty Trung Nguyên		85.000	
	Gạch Ceramic lát KT 50x50	m2			100.000	
	Gạch Ceramic lát KT 60x60	m2	Công ty Nice		120.000	
	Gạch ốp Ceramic KT 30x60	m2	Công ty Nice		140.000	
	Gạch ốp Ceramic KT 30x45	m2	Công ty Nice		90.000	

9	SƠN, BỘT BẢ					
	Sơn nước trong Infor	lít	Công ty Infor		55.000	
	Sơn nước trong Dulux	lít	Công ty Dulux		85.000	
	Sơn nước trong Nesan	lít	Cty Tài Phát		78.000	
	Sơn nước ngoài Infor	lít	Công ty Infor		85.000	
	Sơn nước ngoài Dulux	lít	Công ty Dulux		110.000	
	Sơn nước ngoài Nesan	lít	Cty Tài Phát		112.000	
	Bột trét trong Infor	kg	Công ty Infor		5.000	
	Bột trét trong Dulux	kg	Công ty Dulux		9.000	
	Bột trét trong Nesan	kg	Cty Tài Phát		5.000	
	Bộ trét ngoài Infor	kg	Công ty Infor		7.000	
	Bột trét ngoài Dulux	kg	Công ty Dulux		11.000	
	Bột trét ngoài Nesan	kg	Cty Tài Phát		6.700	
	Sơn lót nội thất Infor	lít	Công ty Infor		60.000	
	Sơn lót nội thất Dulux	lít	Công ty Dulux		83.000	
	Sơn lót ngoại thất Infor	lít	Công ty Infor		90.000	
	Sơn lót ngoại thất Dulux	lít	Công ty Dulux		135.000	
	Sơn lót ngoại thất Nesan	lít	Cty Tài Phát		131.000	
	Flinkote chống thấm	lít			90.000	
10	GẠCH TERAZZO					
	Gạch terazzo KT 40x40x3	m2	Công ty Hoàng Thụ	90.000	100.000	
11	NGÓI					
	Ngói 22 viên/m2	viên	Công ty Hoàng Thụ	6.000	6.500	
	Ngói 10 viên/m2	viên	Công ty Hoàng Thụ	12.000	13.000	
12	THIẾT BỊ VỆ SINH					
	Vòi rửa	Bộ	Forrie		150.000	
	Sen tắm lạnh	Bộ	Rossi		450.000	
	Sen tắm nóng lạnh	Bộ	Rossi		1.200.000	
	Chậu Lavabo	Bộ	Viglacera		320.000	
	Xí bệt rời (2 khối)	Bộ	Viglacera		1.300.000	
	Xí bệt liền khối	Bộ	Viglacera		2.100.000	
	Xí xô	Cái	Viglacera		200.000	
	Tiểu nam	Cái	Viglacera		450.000	
	Tiểu nữ	Cái	Viglacera		450.000	
	Vòi xịt	Cái	American		150.000	
	Gương soi	Cái	Ceasar		100.000	
	Lọc rác inox 2020	Cái	Ceasar		100.000	
	Cầu chắn rác trên Sê nô	Cái	Ceasar		120.000	
13	NHÓM VẬT LIỆU ĐIỆN					
	Các loại dây điện					
	Dây điện bọc nhựa PVC (VCm-300/500V) - TCVN 6610:3 (ruột đồng)					
	+ Quy cách VCM-0,5	m			2.350	
	+ Quy cách VCM-0,75	m			3.260	
	+ Quy cách VCM-1,0	m			4.190	
	Dây 2x1,5 Cadisun	m			4.700	
	Dây điện 2x2,5 Cadisun	m			7.700	
	Dây điện 1x4	m			11.000	
	Dây điện lõi đồng 1x10	m			30.000	
	Bóng tuyp 1,2m+ máng	Bộ			120.000	
	Bóng lớp trang trí	Cái			180.000	
	Quạt trần	Cái			480.000	
	Quạt treo tường	Cái			350.000	
14	BỒN NƯỚC INOX					
	Bồn 1 m3 (Năm)	Cái	Tân Á Đại Thành		3.100.000	
	Bồn 2 m3 (Năm)	Cái	Tân Á Đại Thành		6.000.000	
	Bồn 1,5 m3 (Năm)	Cái	Tân Á Đại Thành		4.500.000	